

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Huy Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh;

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2654/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968

Địa chỉ: 192/42 (Cũ là 251/3), khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1967

Địa chỉ: 192/42 (Cũ là 251/3), khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*(Ông P, bà R - có mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày:*

Về tình cảm: Sau một thời gian quen biết, tìm hiểu nhau giữa ông P, bà R phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân năm 1986. Tuy nhiên, ông P, bà R không làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới trước gia đình hai bên. Ông P, bà R chung sống trên cơ sở tự nguyện, từ khi chung sống với nhau vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Tuy nhiên, Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng và gay gắt hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp và không ai còn yêu thương nhau.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông P đề nghị được ly hôn với bà R.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 05/11/1989, Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày: 08/10/1994. Ly hôn, cháu L, cháu L đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vợ chồng không còn tình cảm và không thể hòa giải nên ông đề nghị Tòa án không mở thêm buổi hòa giải nào nữa mà sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là bà Nguyễn Thị R trình bày:*

- Về tình cảm: Sau một thời gian tìm hiểu bà với ông P phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân vào năm 1986 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới trước hai bên gia đình dòng họ nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Việc không làm thủ tục đăng ký kết hôn là do ông P lảng tránh, mặc dù nhiều lần bà R đề nghị ông P đi làm thủ tục. Quá trình bà R, ông P chung sống với nhau từ năm 1986 thời gian đầu có hạnh phúc, đến khoảng năm 2005 thì bà R phát hiện ông P có nhiều mối quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, trong đó có bà Nguyễn Thị Thùy T, bà R đã nhiều lần bắt gặp trực tiếp. Tuy nhiên, bà R đã tạo điều kiện cho ông P thay đổi níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng ông P không thay đổi. Ông, bà không thể ngồi lại nói chuyện với nhau. Trước đây có nhiều lần ông P tự ý dọn đồ ra ngoài ở với người khác, khi quay về nhà thì kiểm chuyện đánh đập bà. Nay ông P đề nghị ly hôn bà không đồng ý, do bà nghĩ trước đây bà không được đăng ký kết hôn thì nay không phải ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 05/11/1989, Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày: 08/10/1994. Nếu Tòa án chấp nhận cho ông P ly hôn, cháu L, cháu L đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Nếu Tòa án chấp nhận cho ông P ly hôn thì ông, bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đề nghị Tòa án không mở thêm buổi hòa giải nào nữa mà sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị R; Về con chung: 02 con chung tên: Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 05/11/1989, Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày: 08/10/1994, đã thành niên có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết; Về án phí: ông P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P và bị đơn là bà Nguyễn Thị R cư trú tại địa chỉ số: 192/42 (Cũ là 251/3), khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Năm 1986 ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị R chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 và tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định; người xác lập quan hệ vợ chồng với người khác trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn và chưa ly hôn thì được coi là người đang có vợ hoặc có chồng. Do đó, hôn nhân giữa ông P và bà R là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Ông P và bà R đều thừa nhận; Sau một thời gian tìm hiểu ông P, bà R phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân vào năm 1986 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới trước hai bên gia đình dòng họ nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bà R cho rằng việc không làm thủ tục đăng ký kết hôn là do ông P lảng tránh, mặc dù nhiều lần bà R đề nghị ông P đi làm thủ tục. Ông P có nhiều mối quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, bà R đã tạo điều kiện cho ông P thay đổi níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng ông P không thay đổi, nay bà và ông P không thể ngồi lại nói chuyện với nhau. Ông P đề nghị ly hôn bà không đồng ý, do bà nghĩ trước đây bà không được đăng ký kết hôn thì nay không phải ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương thì địa phương không biết tình trạng mâu thuẫn vợ chồng và cũng không thấy thông tin về việc đăng ký kết hôn của ông P, bà R. Tòa án đã tiến hành hoà giải để hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân nhưng

ông P vẫn cương quyết ly hôn. Bà R không đồng ý vì cho rằng bà không được đăng ký kết hôn thì nay không phải ly hôn là không đúng với quy định của pháp luật. Bởi vì, theo quy định điểm a Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội “*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật HN&GD năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn*” để giải quyết. Mặt khác, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P, bà R là có thật. Hôn nhân giữa ông P, bà R đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho ông P được ly hôn bà R.

[2.2]. Về con chung:

Ông P, bà R đều xác định có 02 con chung với nhau là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 05/11/1989, Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày: 08/10/1994. Chị L, chị L đều đã thành niên có khả năng lao động, ông P, bà R không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung:

Ông P, bà R xác định sẽ tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung:

Ông P, bà R xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lý do trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, 54, 56, 57, 58 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị R.

2. Về con chung: Ông P, bà R đều xác định có 02 con chung với nhau là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 05/11/1989, Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày: 08/10/1994. Chị L, chị L đều đã thành niên có khả năng lao động, ông P, bà R không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004254 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đương sự đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND ND nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Huy Công**